

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 4 -2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Thanh Mai và bà Trần Thị Thuý Vinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Lê Thanh V, sinh năm 1974

Nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. *Bị đơn:* chị Hoàng Thị L, sinh năm 1977

Nơi ĐKNKTT: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: Tổ 8, Khu phố 10, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn trình bày và tại phiên tòa, anh Lê Thanh V trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị L kết hôn vào ngày 26/12/1995 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để không xảy ra xung đột nhưng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Đến tháng 8/2018 chị L bỏ nhà đi vào Phú Quốc sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn xin ly hôn chị Hoàng Thị L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 04 con chung tên là Lê Thanh N, sinh ngày 10/12/1995; Lê Thanh B, sinh ngày 12/9/1997; Lê Thanh H, sinh ngày 21/01/2004 và Lê Thanh T, sinh ngày 30/9/2012. Nguyên vọng của anh là sau khi ly hôn, các con N, B và H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Riêng con Lê Thanh T hiện còn nhỏ nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt – chị Hoàng Thị L trình bày: Chị thừa nhận chị và anh V kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/12/1995 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đã nhiều lần vợ chồng cùng ngồi lại để tìm hướng giải quyết khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không được. Chính vì vậy, từ cuối năm 2018 chị đã vào Phú Quốc làm ăn và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh V xin ly hôn chị cũng đồng ý vì thấy tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như anh V trình bày. Chị cũng thống nhất với anh V các con Lê Thanh N, Lê Thanh B và Lê Thanh H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con Lê Thanh T chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì chị có đủ điều kiện nuôi con trưởng thành nên không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/02/2023. Tuy nhiên, tại phiên họp anh V có mặt còn chị L vắng mặt nên không thể tổ chức hòa giải được. Ngày 14/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị L đề ngày 09/02/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện anh Lê Thanh V, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; chị L có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình sau đó do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị đã vào phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang sinh sống từ năm 2018, chị L có đơn thoả thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết vụ án, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Hoàng Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, lý do xin xét xử vắng mặt của chị là chính đáng, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh V và chị Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình ngày 26/12/1995, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó tháng 8 năm 2018 chị

L đã vào thành phố P, tỉnh Kiên Giang sinh sống và làm việc, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh V và chị L đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại nên anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Hoàng Thị L, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị L trình bày cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh V và chị L đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh V xử cho anh Lê Thanh V được ly hôn chị Hoàng Thị L là phù hợp.

[2.2.] Về quan hệ con chung: Anh V và chị L đều thống nhất thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên là Lê Thanh N, sinh ngày 10/12/1995; Lê Thanh B, sinh ngày 12/9/1997; Lê Thanh H, sinh ngày 21/01/2004 và Lê Thanh T, sinh ngày 30/9/2012. Các con Nam, Bắc và Hương đã trên 18 tuổi nên anh V và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Trung từ nhỏ ở với mẹ, anh V có nguyện vọng sau khi ly hôn giao con cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, chị L cũng đồng ý và không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu, nguyện vọng của anh V, chị L về con chung là phù hợp; hiện cháu Lê Thanh T còn nhỏ, hiện đang sống với chị L và cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận để căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Lê Thanh T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Anh Lê Thanh V và chị Hoàng Thị L điều thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Anh Lê Thanh V phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh V, xử cho anh Lê Thanh V được ly hôn chị Hoàng Thị L.
3. Về quan hệ con chung: Giao chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 30/9/2012. Anh Lê Thanh V không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Anh Lê Thanh V phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002677 ngày 05 tháng 01 năm 2023, anh V đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Án xử sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/4/2023); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bồ Trạch;
 - Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - UBND xã Đ
- Số giấy CNKH 250 ngày 26/12/1995
tại UBND xã Đ;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu